

## Công bố tỷ trọng mới giỏ chỉ số VN30 tháng 4/2025

**Võ Thị Nhật Minh**

Trưởng phòng, Phân tích chiến lược TT  
minh.vtn@hsc.com.vn  
+84 28 3823 3299 Ext. 365

- HSX thông báo cập nhật về số lượng cổ phiếu lưu hành, tỷ lệ free float và giới hạn tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong giỏ chỉ số VN30 theo Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 4.0. Tổng tỷ trọng cổ phiếu của các cổ phiếu ngành tài chính sẽ giảm từ 60% xuống còn 40%, trong khi tỷ trọng của các cổ phiếu phi tài chính và họ VIN sẽ hưởng lợi vì tăng tỷ trọng trong giỏ chỉ số. Ngày có hiệu lực sẽ là ngày 28/4/2025.
- Dựa trên tỷ trọng hiện tại của quỹ ETF VN30 lớn nhất - DCVFM VN30 ETF, HSC ước tính 5 cổ phiếu có tỷ trọng bị giảm nhiều nhất là TCB (2,55%), VPB (1,99%), ACB (1,99%), LPB (1,98%), MBB (1,66%) và 5 cổ phiếu có tỷ trọng tăng nhiều nhất là HPG (3,67%), MWG (2,56%), VHM (2,50%), VNM (2,14%) và FPT (2,02%).
- Hiện có 4 quỹ ETF lấy chỉ số VN30 làm cơ sở. Các quỹ này mua vào mạnh nhất cổ phiếu HPG (11,4 triệu cổ phiếu) và bán ra mạnh nhất cổ phiếu VPB (9,3 triệu cổ phiếu).

## Những thay đổi chính trong quy tắc của VN30 phiên bản 4.0

Những thay đổi chính bao gồm: (1) Tăng tiêu chí sàng lọc thanh khoản lên trên 300.000 cổ phiếu/ngày và 30 tỷ đồng/ngày. (2) Bổ sung các quy định liên quan đến LNST: Nhóm cổ phiếu có lỗ thuần sẽ bị loại ra khỏi giỏ chỉ số VN30 và chỉ xét các BCTC có ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. (3) Bổ sung giới hạn tỷ trọng vốn hoá tối đa 40% cho nhóm cổ phiếu cùng ngành trong giỏ chỉ số VN30.

## Cập nhật kết quả review tháng 4/2025

Trong đợt review này, thành phần của chỉ số VN30 được giữ nguyên. Tuy nhiên, do có sự thay đổi đáng kể đối với giới hạn tỷ trọng vốn hóa và thay đổi nhẹ đối với tỷ lệ free float, tỷ trọng của các cổ phiếu trong giỏ chỉ số có thể sẽ được điều chỉnh mạnh.

HSC ước tính 5 ngân hàng bị giảm tỷ trọng vốn hóa nhiều nhất trong giỏ chỉ số là Techcombank (TCB), Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), LienViet Post Bank (LPB), VPBank (VPB) và MB Bank (MBB), trong khi 5 công ty được hưởng lợi nhiều nhất từ quy định tăng tỷ trọng vốn hóa bao gồm Tập đoàn Hòa Phát (HPG), CTCP Thế Giới Di Động (MWG), Vinhomes (VHM), Vinamilk (VNM) và FPT Corp. (FPT). Kết quả này sát với dự báo của HSC.

Ngày cuối để hoàn thành cơ cấu danh mục là ngày 25/4/2025 và ngày có hiệu lực là ngày 28/4/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/4.

**Bảng 1: Các thay đổi chính trong quy định mới của chỉ số VN30**

|                   | Phiên bản 3.1                                                                                                               | Phiên bản 4.0                                                                                                                         |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thanh khoản       | Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch dưới 100.000cp/ngày hoặc giá trị giao dịch dưới 10 tỷ đồng sẽ bị loại ra khỏi giỏ VN30 | Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch dưới 300.000cp/ngày hoặc giá trị giao dịch dưới 30 tỷ đồng sẽ bị loại ra khỏi giỏ VN30           |
| Lợi nhuận thuần   | N/a                                                                                                                         | Lợi nhuận thuần được lấy từ BCTC bán niên gần nhất đã được soát xét, hoặc BCTC thường niên của các công ty niêm yết đã được kiểm toán |
| Giới hạn tỷ trọng | N/a                                                                                                                         | Mức tỷ trọng lớn nhất là 40% đối với các công ty cùng ngành                                                                           |
| Ngày công bố      | Thứ Hai của tuần thứ 3 của tháng 1, tháng 4, tháng 7, tháng 10                                                              | Thứ Tư của tuần thứ 3 của tháng 1, tháng 4, tháng 7, tháng 10                                                                         |

Nguồn: HSX, HSC

## Cập nhật tỷ trọng cổ phiếu trong giỏ chỉ số VN30

HSX thông báo cập nhật về số lượng cổ phiếu đang lưu hành, tỷ lệ free float và giới hạn tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong giỏ chỉ số VN30 theo Bộ chỉ số HOSE Index phiên bản 4.0. HSC ước tính nhóm cổ phiếu tài chính trong giỏ chỉ số VN30 sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất khi tổng tỷ trọng ở mức khoảng 60% sẽ giảm xuống còn 40%, trong khi nhóm cổ phiếu phi tài chính và cổ phiếu VIN trong giỏ chỉ số sẽ hưởng lợi nhờ việc điều chỉnh tăng tỷ trọng. Cổ phiếu VPB, TCB và ACB sẽ bị bán ra mạnh nhất trong khi cổ phiếu HPG, VRE và MWG được các quỹ ETF mua vào mạnh nhất. Ngày có hiệu lực sẽ là ngày 28/4/2025.

### Cập nhật quy định chỉ số VN30 & tỷ trọng mới

Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 4.0 mới được công bố có 5 thay đổi chính và sẽ có tác động đáng kể đến thành phần trong giỏ chỉ số VN30. Đáng lưu ý, tỷ trọng vốn hoá tối đa cho nhóm cổ phiếu cùng ngành được giới hạn ở mức 40%, một động thái góp phần tạo nên sự ổn định của cấu trúc ngành và hạn chế rủi ro một ngành trở nên chiếm ưu thế tuyệt đối trong giỏ chỉ số. Ngoài ra, các quy định này sẽ xem xét lợi nhuận thuần trong quá trình đánh giá và tiêu chí thanh khoản sẽ chặt chẽ hơn. Hơn nữa, tiêu chuẩn phân loại ngành toàn cầu (GICS) sẽ được cập nhật và thời điểm công bố thông tin từ HSX sẽ được điều chỉnh. Những thay đổi này sẽ có tác động đáng kể lên tỷ trọng của các cổ phiếu trong giỏ chỉ số VN30.

Trong đợt review này, thành phần trong giỏ chỉ số VN30 không đổi, trong khi tỷ trọng của cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh mạnh. Dựa trên thành phần hiện tại trong giỏ chỉ số VN30 và những quy định mới của chỉ số VN30, chúng tôi đưa ra dự báo như được trình bày trong Bảng 4. Theo đó, tất cả các cổ phiếu thuộc ngành tài chính trong giỏ chỉ số VN30 (ngân hàng, môi giới chứng khoán và bảo hiểm) sẽ bị giảm tỷ trọng trong khi cổ phiếu của các ngành còn lại sẽ tăng tỷ trọng.

Chúng tôi dự báo 5 cổ phiếu có tỷ trọng giảm mạnh nhất sẽ là TCB (2,55%), ACB (1,99%), VPB (1,99%), LPB (1,98%) và MBB (1,66%). Ở chiều ngược lại, 5 cổ phiếu có tỷ trọng tăng mạnh nhất là HPG (3,67%), MWG (2,56%), VHM (2,50%), VNM (2,14%) và FPT (2,02%).

Chúng tôi ước tính 5 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong VN30 sẽ là HPG (10%), FPT (9,6%), MWG (7,3%), VIC (7,2%) và VHM (6,5%), đóng góp 40,7% tổng tỷ trọng của giỏ chỉ số. Tổng tỷ trọng của các cổ phiếu tài chính sẽ rơi vào khoảng 40,7%, trong đó 5 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất là TCB (5,8%), ACB (4,7%), LPB (4,5%), MBB (3,8%) và STB (3,6%).

### Dự báo thay đổi tỷ trọng cổ phiếu và khối lượng mua bán của các quỹ ETF

Chỉ số VN30 cũng là cơ sở để tham chiếu cho 4 quỹ ETF được niêm yết trên sàn HOSE (DCVFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF và MAFN VN30 ETF). Bất kỳ sự thay đổi nào về tỷ trọng, các quỹ ETF này sẽ mua vào hoặc bán ra cổ phiếu nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư.

Bốn quỹ ETF lấy chỉ số VN30 làm cơ sở có thể sẽ bán ra một lượng đáng kể cổ phiếu VPB (9,3 triệu cổ phiếu), TCB (7,6 triệu cổ phiếu), ACB (6,4 triệu cổ phiếu), MBB (5,3 triệu cổ phiếu) và LPB (4,7 triệu cổ phiếu), trong khi đó mua vào một lượng lớn cổ phiếu HPG (11,4 triệu cổ phiếu), VRE (3,5 triệu cổ phiếu), MWG (3,5 triệu cổ phiếu), VHM (3,4 triệu cổ phiếu) và VNM (2,9 triệu cổ phiếu).

Lưu ý, biến động giá cổ phiếu và số lượng chứng chỉ quỹ từ nay đến khi kết thúc đợt tái cơ cấu danh mục có thể làm thay đổi tỷ trọng cũng như khối lượng mua bán dự kiến của từng cổ phiếu.

Đợt review tiếp theo sẽ diễn ra vào tháng 7/2025.

Bảng 2: Thay đổi của giỏ chỉ số VN30 Index tính đến T4/2025

| STT | Mã CK | Doanh nghiệp            | Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | Tỷ lệ Free float cập nhật | giới hạn tỷ trọng vốn hóa cập nhật |
|-----|-------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------------|
| 1   | ACB   | Asia Commercial Bank    | 4,466,657,912                   | 90%                       | 42.4%                              |
| 2   | BCM   | Becamex IDC Corp.       | 1,035,000,000                   | 4%                        | 100.0%                             |
| 3   | BID   | BIDV                    | 6,897,515,268                   | 4%                        | 42.4%                              |
| 4   | BVH   | Bao Viet Group          | 742,322,764                     | 11%                       | 42.4%                              |
| 5   | CTG   | VietinBank              | 5,369,991,748                   | 15%                       | 42.4%                              |
| 6   | FPT   | FPT Corp                | 1,471,069,183                   | 85%                       | 61.6%                              |
| 7   | GAS   | PetroVietnam Gas        | 2,342,672,919                   | 5%                        | 100.0%                             |
| 8   | GVR   | Viet Nam Rubber Group   | 4,000,000,000                   | 4%                        | 100.0%                             |
| 9   | HDB   | HDBank                  | 3,495,060,732                   | 75%                       | 42.4%                              |
| 10  | HPG   | Hoa Phat Group          | 6,396,250,200                   | 55%                       | 98.3%                              |
| 11  | LPB   | LPBank                  | 2,987,282,100                   | 95%                       | 42.4%                              |
| 12  | MBB   | MBBank                  | 6,102,272,659                   | 55%                       | 42.4%                              |
| 13  | MSN   | Masan Group             | 1,438,351,617                   | 55%                       | 100.0%                             |
| 14  | MWG   | Mobile World Investment | 1,461,484,209                   | 75%                       | 100.0%                             |
| 15  | PLX   | Petrolimex              | 1,270,592,235                   | 10%                       | 100.0%                             |
| 16  | SAB   | SABECO                  | 1,282,562,372                   | 11%                       | 100.0%                             |
| 17  | SHB   | SH Bank                 | 4,065,250,816                   | 85%                       | 42.4%                              |
| 18  | SSB   | SeABank                 | 2,835,000,000                   | 65%                       | 42.4%                              |
| 19  | SSI   | SSI Securities          | 1,961,872,450                   | 70%                       | 42.4%                              |
| 20  | STB   | Sacombank               | 1,885,215,716                   | 100%                      | 42.4%                              |
| 21  | TCB   | Techcombank             | 7,064,851,739                   | 65%                       | 42.4%                              |
| 22  | TPB   | TPBank                  | 2,641,956,196                   | 50%                       | 42.4%                              |
| 23  | VCB   | Vietcombank             | 8,355,691,435                   | 11%                       | 42.4%                              |
| 24  | VHM   | Vinhomes                | 4,107,412,004                   | 25%                       | 95.8%                              |
| 25  | VIB   | VIBBank                 | 2,979,127,815                   | 70%                       | 42.4%                              |
| 26  | VIC   | VinGroup                | 3,823,661,561                   | 30%                       | 95.8%                              |
| 27  | VJC   | Vietjet Air             | 541,611,334                     | 55%                       | 100.0%                             |
| 28  | VNM   | Vinamilk                | 2,089,955,445                   | 40%                       | 100.0%                             |
| 29  | VPB   | VPBank                  | 7,933,923,601                   | 50%                       | 42.4%                              |
| 30  | VRE   | Vincom Retail           | 2,272,318,410                   | 40%                       | 100%                               |

Nguồn: HSX, HSC

Bảng 3: Tỷ trọng mới của cổ phiếu thuộc VN30 &amp; ước tính tỷ trọng thay đổi của VN30 từ 4 quỹ ETF – T4/2025

| Mã CK                 | Ngành                | Tỷ trọng mới | % thay đổi của DCVFM VN30 ETF | % thay đổi của KIM Growth VN30 ETF | % thay đổi của MAFM VN30 ETF | % thay đổi của SSIAM VN30 ETF |
|-----------------------|----------------------|--------------|-------------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| TCB                   | Ngân hàng            | 5.8%         | -2.55%                        | -2.30%                             | -2.75%                       | -2.59%                        |
| ACB                   | Ngân hàng            | 4.7%         | -1.99%                        | -1.88%                             | -2.35%                       | -1.94%                        |
| LPB                   | Ngân hàng            | 4.5%         | -1.98%                        | -1.92%                             | -2.16%                       | -2.00%                        |
| MBB                   | Ngân hàng            | 3.8%         | -1.66%                        | -1.24%                             | -1.73%                       | -1.62%                        |
| STB                   | Ngân hàng            | 3.6%         | -1.40%                        | -1.21%                             | -1.56%                       | -1.34%                        |
| VPB                   | Ngân hàng            | 3.2%         | -1.99%                        | -1.86%                             | -2.02%                       | -1.93%                        |
| HDB                   | Ngân hàng            | 2.6%         | -1.21%                        | -0.97%                             | -1.34%                       | -1.11%                        |
| VCB                   | Ngân hàng            | 2.6%         | -1.38%                        | -1.57%                             | -1.24%                       | -1.14%                        |
| SHB                   | Ngân hàng            | 2.2%         | -0.44%                        | -0.57%                             | -0.74%                       | -0.70%                        |
| VIB                   | Ngân hàng            | 1.8%         | -0.73%                        | -0.56%                             | -0.83%                       | -0.73%                        |
| SSB                   | Ngân hàng            | 1.6%         | -0.96%                        | -0.92%                             | -1.06%                       | -0.88%                        |
| SSI                   | Thị trường vốn       | 1.5%         | -0.74%                        | -0.90%                             | -0.70%                       | -0.66%                        |
| CTG                   | Ngân hàng            | 1.4%         | -0.71%                        | -0.72%                             | -0.76%                       | -0.66%                        |
| TPB                   | Ngân hàng            | 0.9%         | -0.32%                        | -0.31%                             | -0.44%                       | -0.25%                        |
| BID                   | Ngân hàng            | 0.5%         | -0.17%                        | -0.37%                             | -0.23%                       | -0.21%                        |
| BVH                   | Insurance            | 0.2%         | -0.02%                        | -0.33%                             | -0.13%                       | -0.10%                        |
| HPG                   | Kim loại             | 10.0%        | 3.67%                         | 3.78%                              | 3.60%                        | 3.78%                         |
| FPT                   | CNTT                 | 9.6%         | 2.02%                         | 1.65%                              | 2.63%                        | 2.48%                         |
| MWG                   | Bán lẻ               | 7.3%         | 2.56%                         | 2.72%                              | 2.50%                        | 2.72%                         |
| VIC                   | BDS                  | 7.3%         | 1.43%                         | 1.63%                              | 1.59%                        | 1.64%                         |
| VHM                   | BDS                  | 6.5%         | 2.50%                         | 2.57%                              | 2.52%                        | 2.62%                         |
| VNM                   | Thực phẩm            | 5.3%         | 2.14%                         | 2.11%                              | 2.04%                        | 2.22%                         |
| MSN                   | Thực phẩm            | 5.3%         | 2.01%                         | 1.99%                              | 2.04%                        | 2.09%                         |
| VJC                   | Hàng không           | 2.9%         | 1.07%                         | 0.98%                              | 1.19%                        | 1.35%                         |
| VRE                   | BDS                  | 2.3%         | 0.93%                         | 1.10%                              | 0.96%                        | 1.01%                         |
| SAB                   | Đồ uống              | 0.8%         | 0.35%                         | 0.22%                              | 0.18%                        | 0.48%                         |
| GAS                   | Dịch vụ tiện ích     | 0.8%         | 0.25%                         | 0.09%                              | 0.36%                        | 0.40%                         |
| PLX                   | Dầu khí & nhiên liệu | 0.5%         | 0.19%                         | 0.09%                              | 0.28%                        | 0.27%                         |
| GVR                   | Hóa chất             | 0.4%         | 0.10%                         | 0.14%                              | 0.12%                        | 0.27%                         |
| BCM                   | BDS                  | 0.3%         | 0.01%                         | -0.39%                             | -0.04%                       | -0.09%                        |
| Ngành tài chính       |                      | 40.7%        |                               |                                    |                              |                               |
| Ngành ngoài tài chính |                      | 59.3%        |                               |                                    |                              |                               |
| Tổng cộng             |                      | 100.0%       |                               |                                    |                              |                               |

Nguồn: Website các quỹ, HSX, HSC

Bảng 4: Ước tính cổ phiếu mua vào/bán ra của các quỹ ETF thuộc giỏ chỉ số VN30 từ 4 quỹ ETF

| Mã CK                 | Ngành (GICs)         | Tỷ trọng mới | +/- cổ phiếu DCVFM VN30 ETF | +/- cổ phiếu KIM Growth VN30 ETF | +/- cổ phiếu MAFM VN30 ETF | +/- cổ phiếu SSIAM VN30 ETF | +/- cổ phiếu của 4 VN30 ETFs |
|-----------------------|----------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| TCB                   | Ngân hàng            | 5.8%         | (5,139,157)                 | (1,572,711)                      | (793,618)                  | (145,848)                   | (7,651,334)                  |
| ACB                   | Ngân hàng            | 4.7%         | (4,266,981)                 | (1,368,034)                      | (721,319)                  | (116,232)                   | (6,472,565)                  |
| LPB                   | Ngân hàng            | 4.5%         | (3,137,474)                 | (1,032,468)                      | (489,991)                  | (88,548)                    | (4,748,481)                  |
| MBB                   | Ngân hàng            | 3.8%         | (3,736,558)                 | (947,131)                        | (557,562)                  | (101,887)                   | (5,343,137)                  |
| STB                   | Ngân hàng            | 3.6%         | (1,836,994)                 | (538,883)                        | (293,039)                  | (49,130)                    | (2,718,046)                  |
| VPB                   | Ngân hàng            | 3.2%         | (6,276,205)                 | (1,990,629)                      | (912,174)                  | (170,075)                   | (9,349,083)                  |
| HDB                   | Ngân hàng            | 2.6%         | (3,130,161)                 | (851,380)                        | (496,357)                  | (80,227)                    | (4,558,124)                  |
| VCB                   | Ngân hàng            | 2.6%         | (1,254,135)                 | (484,137)                        | (161,362)                  | (28,951)                    | (1,928,586)                  |
| SHB                   | Ngân hàng            | 2.2%         | (1,797,329)                 | (788,662)                        | (431,392)                  | (79,655)                    | (3,097,038)                  |
| VIB                   | Ngân hàng            | 1.8%         | (2,187,848)                 | (570,258)                        | (355,988)                  | (61,130)                    | (3,175,224)                  |
| SSB                   | Ngân hàng            | 1.6%         | (2,743,342)                 | (892,281)                        | (433,560)                  | (70,287)                    | (4,139,469)                  |
| SSI                   | Thị trường vốn       | 1.5%         | (1,713,860)                 | (707,300)                        | (232,129)                  | (42,711)                    | (2,696,000)                  |
| CTG                   | Ngân hàng            | 1.4%         | (999,414)                   | (343,935)                        | (153,206)                  | (25,952)                    | (1,522,506)                  |
| TPB                   | Ngân hàng            | 0.9%         | (1,263,904)                 | (415,654)                        | (248,007)                  | (27,683)                    | (1,955,248)                  |
| BID                   | Ngân hàng            | 0.5%         | (256,009)                   | (188,008)                        | (49,457)                   | (8,819)                     | (502,292)                    |
| BVH                   | Insurance            | 0.2%         | (20,981)                    | (133,059)                        | (21,860)                   | (3,262)                     | (179,162)                    |
| HPG                   | Kim loại             | 10.0%        | 7,565,340                   | 2,644,193                        | 1,062,540                  | 217,719                     | 11,489,791                   |
| FPT                   | CNTT                 | 9.6%         | 963,479                     | 267,040                          | 179,624                    | 33,053                      | 1,443,196                    |
| MWG                   | Bán lẻ               | 7.3%         | 2,290,850                   | 826,021                          | 320,307                    | 68,013                      | 3,505,192                    |
| VIC                   | BDS                  | 7.3%         | 1,286,316                   | 497,508                          | 204,767                    | 41,215                      | 2,029,807                    |
| VHM                   | BDS                  | 6.5%         | 2,247,117                   | 783,930                          | 324,320                    | 65,806                      | 3,421,173                    |
| VNM                   | Thực phẩm            | 5.3%         | 1,997,061                   | 668,178                          | 272,566                    | 57,887                      | 2,995,692                    |
| MSN                   | Thực phẩm            | 5.3%         | 1,774,915                   | 596,304                          | 257,928                    | 51,568                      | 2,680,716                    |
| VJC                   | Hàng không           | 2.9%         | 657,910                     | 204,484                          | 104,760                    | 23,191                      | 990,345                      |
| VRE                   | BDS                  | 2.3%         | 2,229,056                   | 894,853                          | 329,464                    | 67,646                      | 3,521,019                    |
| SAB                   | Đồ uống              | 0.8%         | 375,344                     | 79,555                           | 27,360                     | 14,424                      | 496,684                      |
| GAS                   | Dịch vụ tiện ích     | 0.8%         | 231,368                     | 28,773                           | 47,556                     | 10,304                      | 318,000                      |
| PLX                   | Dầu khí & nhiên liệu | 0.5%         | 301,094                     | 48,735                           | 63,403                     | 11,933                      | 425,166                      |
| GVR                   | Hóa chất             | 0.4%         | 226,099                     | 107,611                          | 38,889                     | 17,126                      | 389,724                      |
| BCM                   | BDS                  | 0.3%         | 7,471                       | (127,467)                        | (5,787)                    | (2,467)                     | (128,250)                    |
| Ngành tài chính       |                      | 40.7%        |                             |                                  |                            |                             |                              |
| Ngành ngoài tài chính |                      | 59.3%        |                             |                                  |                            |                             |                              |
| Tổng cộng             |                      | 100.0%       |                             |                                  |                            |                             |                              |

Nguồn: Website các quỹ, HSX, HSC

Bảng 5: Các cổ phiếu được đề cập đến trong báo cáo này

| Mã CK | Ngành*                                     | Thị giá (đồng) | Vốn hóa (triệu USD) | Khuyến nghị | Giá mục tiêu (đồng) |
|-------|--------------------------------------------|----------------|---------------------|-------------|---------------------|
| VCB   | Ngân hàng                                  | 58,000         | 18,650              | Add         | 73,200              |
| BID   | Ngân hàng                                  | 35,350         | 9,383               | Buy         | 45,700              |
| VHM   | Phát triển BĐS                             | 58,500         | 9,247               | Add         | 56,600              |
| VIC   | Đa ngành                                   | 58,600         | 8,491               | Hold        | 55,400              |
| CTG   | Ngân hàng                                  | 37,300         | 7,708               | Buy         | 53,800              |
| TCB   | Ngân hàng                                  | 26,100         | 7,076               | Buy         | 31,100              |
| HPG   | Vật liệu – Kim loại công nghiệp            | 25,550         | 6,289               | Buy         | 39,200              |
| FPT   | CNTT                                       | 110,400        | 6,250               | Buy         | 157,100             |
| MBB   | Ngân hàng                                  | 23,400         | 5,495               | Buy         | 29,500              |
| GAS   | Năng lượng - Dầu khí                       | 57,500         | 5,184               | Buy         | 85,000              |
| VPB   | Ngân hàng                                  | 16,700         | 5,099               | Buy         | 23,000              |
| VNM   | Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá | 56,400         | 4,536               | Add         | 67,000              |
| ACB   | Ngân hàng                                  | 24,600         | 4,229               | Buy         | 35,400              |
| LPB   | Ngân hàng                                  | 33,300         | 3,828               | Sell        | 17,637              |
| MSN   | Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá | 59,600         | 3,470               | Buy         | 89,300              |
| MWG   | Hàng tiêu dùng không thiết yếu – Bán lẻ    | 58,800         | 3,307               | Buy         | 73,000              |
| STB   | Ngân hàng                                  | 40,200         | 2,917               | Add         | 43,000              |
| HDB   | Ngân hàng                                  | 20,350         | 2,751               | Buy         | 27,083              |
| SAB   | Hàng tiêu dùng thiết yếu – TP&ĐU, Thuốc lá | 48,600         | 2,399               | Buy         | 68,300              |
| VIB   | Ngân hàng                                  | 17,650         | 2,024               | Add         | 22,100              |
| VRE   | Phát triển BĐS                             | 21,950         | 1,919               | Buy         | 22,800              |
| VJC   | Vận tải                                    | 85,700         | 1,786               | Hold        | 105,000             |
| SSI   | Dịch vụ tài chính                          | 22,750         | 1,718               | Add         | 30,900              |
| PLX   | Dịch vụ tiện ích - Gas                     | 33,450         | 1,666               | Add         | 45,300              |
| TPB   | Ngân hàng                                  | 13,500         | 1,373               | Add         | 19,000              |
| BVH   | Bảo hiểm                                   | 44,000         | 1,257               | Buy         | 56,300              |

\*Theo phân loại của HSC  
Nguồn: HSC

## Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

### Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng  
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM  
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

#### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB  
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM  
T: (+84 28) 3823 3299  
F: (+84 28) 3823 3301

#### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone  
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
T: (+84 24) 3933 4693  
F: (+84 24) 3933 4822

E: [info@hsc.com.vn](mailto:info@hsc.com.vn) W: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)